BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 14: Từ 24-04 Đến 30-04-2023

LỚP			10A17	10A18	12B10	12B11	12B1	12B12	12B13	12B14	12B2	12B3	12B4	12B5	12B6	12B7	12B8	12B9	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 24-04	Sáng	1			Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.204)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.202)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.201)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.403)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.307)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc ()	Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.302)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy bảo quản lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Cung cấp các giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề các mạch đa nhánh phức tạp Trần Quốc Phương ()	Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiện-Phay- bào)	Xây dựng kế hoạch tài chính Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)
		2																					
		3			Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.204)						Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.307)		Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán TN Kim Thành Nam (H5.303)		Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)					
		4				Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.406)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.406)				Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)			Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)						
		5																					
	Chiều	6																					
		7																			Cung cấp các giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề các mạch đa nhánh phức tạp Trần Quốc Phương (X23.307 Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)		
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 25-04	Sáng	1			Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.204)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.406)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Địa TN Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.406)	Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Địa TN Nguyễn Thị Tình (H5.303)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy bảo quản lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiện-Phay- bào)	Xây dựng kế hoạch tài chính Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)
		2																					
		3			Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.202)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.201)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Địa TN Nguyễn Thị Thu Hương (H5.404)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Địa TN Nguyễn Thị Tình (H5.307)	Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.303)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.301)					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																		Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy bảo quản lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Cung cấp các giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề các mạch đa nhánh phức tạp Trần Quốc Phương (X23.307 Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)		
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 26-04	Sáng	1			Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.204)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.406)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.202)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.406)	Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.403)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.307)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.304)	Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()		Cung cấp các giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề các mạch đa nhánh phức tạp Trần Quốc Phương ()	Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiện-Phay- bào)	
		2																					
		3			Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.204)						Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)				Toán TN Kim Thành Nam (H5.303)		Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)						
		4				Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.201)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)			Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.304)		Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)						
		5																					
	Chiều	6	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên ()	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)																Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy bảo quản lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Cung cấp các giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề các mạch đa nhánh phức tạp Trần Quốc Phương ()		Tổ chức công việc kế toán Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)
		7																					
		8	Vật lý 4 Chu Thị Tình (H5.403)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tình (H5.307)																			
		9	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)																			
		10		Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)																			

LỚP			10A17	10A18	12B10	12B11	12B1	12B12	12B13	12B14	12B2	12B3	12B4	12B5	12B6	12B7	12B8	12B9	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 27-04	Sáng	1																	Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()		Cung cấp các giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề các mạch đa nhánh phức tạp Trần Quốc Phương ()	Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiện-Phay- bào)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)																Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy bảo quản lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiện-Phay- bào)	Tổ chức công việc kế toán Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)
		7	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.403)																				
		8		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuý (H5.307)																			
		9	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)																			
		10		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)																			
Thứ 6 28-04	Sáng	1																	Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()				
		2						Sử TN Lê Thị Quyên (H5.103)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.101)					Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.402)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Toán TN Kim Thành Nam (H5.401)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)					
		3																					
		4						Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.104)	Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.407)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.102)					
		5																					
	Chiều	6	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Toán học 4 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)	Sử TN Lưu Thị Thuý (H5.104)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.107)				Vật lý TN Phạm Thanh Mai (H5.402)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.101)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.106)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.103)										
		7	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)																				
		8	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyến (H5.403)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.307)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.104)						Sử TN Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.106)											
		9	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán học 4 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)	Địa TN Nguyễn Thị Tình (H5.104)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.107)				Hóa TN Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)			Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)										
		10																					
Thứ 7 29-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 14: Từ 24-04 Đến 30-04-2023

LỚP			61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCĐL1A	61TCĐL1B	61TCĐT1A_VT	61TCĐT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TCMN1	61TCS1A_TA	61TCS1B_TA	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 24-04	Sáng	1	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)		Bảo trì, vận hành hệ thống cơ điện tử Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Điều khiển khí nén, thủy lực Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)												Lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đoàn Mạnh Hà ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6			Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)			Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)					Phay CNC Đỗ Anh Tuấn ()		Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)					Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đoàn Mạnh Hà ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()		
		7						Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.103)							Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.103)								
		8																					
		9																					
		10						Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.103)							Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.103)								
Thứ 3 25-04	Sáng	1	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)		Bảo trì, vận hành hệ thống cơ điện tử Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén, thủy lực Lỗ Văn Ba ()												Lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh ()		Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Nguyễn Văn Tỉnh ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6			Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)					Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)					Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đoàn Mạnh Hà ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()		
		7																					
		8				Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.103)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.103)								
		9																					
		10																					
Thứ 4 26-04	Sáng	1	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo trì, vận hành hệ thống cơ điện tử Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén, thủy lực Lỗ Văn Ba ()												Lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh ()		Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Nguyễn Văn Tỉnh ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6						Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.103)					Phay CNC Đỗ Anh Tuấn ()		Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.103)				Địa lý 4 Nguyễn Thị Tình (H5.304)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	
		7																	Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				
		8						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)					Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	
		9																	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	
		10																		Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)	

LỚP			61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCĐL1A	61TCĐL1B	61TCĐT1A_VT	61TCĐT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TCMN1	61TCS1A_TA	61TCS1B_TA	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 27-04	Sáng	1	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Lập trình .Net1 Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo trì, vận hành hệ thống cơ điện tử Trần Văn Kiên ()	Điều khiển khí nén, thủy lực Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)												Lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh ()		Ktra: Lắp đặt hệ thống nước gia dụng-1-2-2022(N02) (...)	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Nguyễn Văn Tỉnh ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ đốt trong 3 Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)				Lập trình PLC cơ bản Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)					Hóa học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)					Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)	
		7											Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)						Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	
		8																	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc ()	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	
		9																	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng ()	Hóa học 4 Trần Thị Hằng ()	
		10																	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	
Thứ 6 28-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																	Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.302)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	
		7																		Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.302)			
		8																	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		9																	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	
		10																					
Thứ 7 29-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 14: Từ 24-04 Đến 30-04-2023

LỚP			61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 24-04	Sáng	1						Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)									Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X23.304.Phòng học Trang bị điện)		Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)			
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Ng Hồng Thao ()			Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Đặng Duy Thanh ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Văn Bảy ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Lưu Quang Hưng ()				Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)		
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 25-04	Sáng	1	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng ()					Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)									Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X23.304.Phòng học Trang bị điện)		Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)		Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Trung Tuệ ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Hoàng Văn Quân ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Ng Hồng Thao ()		Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()							Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Văn Tân (X23.308.Phòng học Đo lường)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)		
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 26-04	Sáng	1	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Hoàng Văn Hùng ()					Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)							Ktra: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2022(N01) Phạm Đức Tùng (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Văn Tân (X23.304.Phòng học Trang bị điện)				Phân tích rủi ro và đề xuất giải pháp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)		Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Trung Tuệ ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Hoàng Văn Quân ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6						Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)							Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)		Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)		
		7		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Ng Hồng Thao ()		Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Đặng Duy Thanh ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Văn Bảy ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Lưu Quang Hưng ()				Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)			Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)			
		8						Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.203)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)								Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.202)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.302)				Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.202)		
		9						Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)			Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)		
		10															Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)			Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)		

LỚP			61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 27-04	Sáng	1	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Hoàng Văn Hùng ()					Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)								Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Văn Tân (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng ()				Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Trung Tuệ ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Hoàng Văn Quân ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Ng Hồng Thao ()	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.404)							Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)		
		7						Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.404)							Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)			
		8						Hóa học 4 Trần Thị Hằng ()	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc ()		Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.202)		
		9						Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)							Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)		Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)		
		10															Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)				Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)		
Thứ 6 28-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6						Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyền (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)							Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)		
		7						Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)									Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyền (H5.302)			Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)		
		8							Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)		Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)			
		9						Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)							Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)		Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)		
		10																					
Thứ 7 29-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 14: Từ 24-04 Đến 30-04-2023

LỚP			61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 24-04	Sáng	1			Tham gia tuyển dụng và tổ chức công việc Đặng Thị Thu Hà (H3.106)	Xử lý sự cố một số phần cứng máy tính: RAM, CPU, HDD Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			SQL Server Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)	Quản trị mạng với Windowserver Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)					Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Máy điện Triệu Đình Sơn (X23.302.Phòng học Máy điện)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6				Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.110_TH THCB)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng ()				Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỐI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Kỹ thuật bàn phím Vũ Bá Tòng (H3.111_TH THCB)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.209.TH Tin học)	Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H3.204.TH KHOA TIN)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)			Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X23.302.Phòng học Máy điện)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 25-04	Sáng	1			Tham gia tuyển dụng và tổ chức công việc Đặng Thị Thu Hà (H3.106)				SQL Server Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)	Quản trị mạng với Windowserver Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)			Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H3.204.TH KHOA TIN)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Trang bị điện Lê Kiên Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6				Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.110_TH THCB)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng ()						Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỐI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Kỹ thuật bàn phím Vũ Bá Tòng (H3.111_TH THCB)	Soạn thảo văn bản điện tử Phan Hoàng Lan (H3.209.TH Tin học)	Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H3.204.TH KHOA TIN)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)		Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng ()	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X23.302.Phòng học Máy điện)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 4 26-04	Sáng	1							SQL Server Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)		SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Trang bị điện Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng ()		Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.304)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)		Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng ()	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X23.302.Phòng học Máy điện)
		7								Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)		Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)							
		8			Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.203)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên ()	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)		Văn học 4 Trần Thị Kim Liên ()	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)					
		9							Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)					
		10			Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)																

LỚP			61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 27-04	Sáng	1				Ktra: Bảo trì máy tính-1-2-2022(N01) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.110_TH THCB)						Ktra: Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển-1-2-2022(N01) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)				Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()			Trang bị điện Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng ()		Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.404)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)		Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng ()	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X23.302.Phòng học Máy điện)
		7							Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)		Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)							
		8			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng ()	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)					
		9			Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)					
		10			Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)					Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)							
Thứ 6 28-04	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyến (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)					
		7			Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)			Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)									
		8			Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)				Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy ()	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy ()					
		9			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.301)			Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyến (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyến (H5.406)					
		10														Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.406)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.406)					
Thứ 7 29-04	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 14: Từ 24-04 Đến 30-04-2023

LỚP			62CGK1	62CGK2	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 24-04	Sáng	1	Tin học Lê Xuân Chung (H2.301_TH LR Máy tính)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.204.TH KHOA TIN)	Tin học Lê Thị Châm (H3.203_TH Máy tính)	LĐ	Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng ()	Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân (H3.108.TH LĐĐ)	Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Chiều (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.104)	An toàn và môi trường Nguyễn Tuấn Hưng (H3.105)			Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Thiết bị điện gia dụng Trần Thị Thơm (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H5.102)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			Tin học Lê Sơn Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Photoshop Lê Xuân Chung (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Thiết bị điện gia dụng ()	Đo lường Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.102)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.104)	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()
		7															Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)			
		8																	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.202)	
		9															Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)			
		10																	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	
Thứ 3 25-04	Sáng	1	Tin học Lê Xuân Chung (H2.301_TH LR Máy tính)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	Tin học Lê Thị Châm (H3.203_TH Máy tính)			Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân (H3.108.TH LĐĐ)	Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Chiều (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	KĨ thuật đo lường Phan Thanh Đạt (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)	An toàn và môi trường Nguyễn Tuấn Hưng (H2.203_TH Tin Đại cương)			Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Thiết bị điện gia dụng Trần Thị Thơm (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			Tin học Lê Sơn Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Photoshop Lê Xuân Chung (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Kỹ thuật điện Phan Thị Lý ()		An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.102)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.104)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.205)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()
		7															Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến ()	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến ()	
		8															Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	
		9																			
		10																			
Thứ 4 26-04	Sáng	1	Tin học Lê Xuân Chung (H2.301_TH LR Máy tính)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	LĐ	Đo lường Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Chiều (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	KĨ thuật đo lường Phan Thanh Đạt (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)				Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng ()	Thiết bị điện gia dụng Trần Thị Thơm (H3.107_TH Điện tử - điện lạnh)		Kỹ thuật điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6					Tin học Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		LĐ	An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.102)	KĨ thuật đo lường Phan Thanh Đạt (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Ktra: Mạng máy tính-1-2-2022(N12) Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)		Kỹ thuật điện Trần Thị Thơm (H3.107_TH Điện tử - điện lạnh)		Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()
		7																			
		8												Ktra: Mạng máy tính-1-2-2022(N11) Lê Hoàng (H3.111_TH THCB)							
		9																			
		10																			

LỚP			62CGK1	62CGK2	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 27-04	Sáng	1	Tin học Lê Xuân Chung (H2.301_TH LR Máy tính)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	Tin học Lê Thị Châm (H3.209.TH Tin học)			Đo lường Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Chiều (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	KĨ thuật đo lường Phan Thanh Đạt (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP-KT)	Ktra: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2022(N12) Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Thiết bị điện gia dụng Trần Thị Thơm (H3.107_TH Điện tử - điện lạnh)			
		2																			
		3												Ktra: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2022(N11) Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)							
		4																			
		5																			
	Chiều	6					Tin học Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Ktra: Kỹ thuật điện-1-2-2022(N05) Nguyễn Văn Tân (...)	An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.102)	KĨ thuật đo lường Phan Thanh Đạt (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Kinh tế vi mô Cao Thị Minh (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()		Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Kỹ thuật điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Kỹ thuật điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 28-04	Sáng	1															Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.202)	
		2																			
		3															Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	
		4															Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)	
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 29-04	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 14: Từ 24-04 Đến 30-04-2023

LỚP			62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 24-04	Sáng	1							Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (H3.109_THĐT)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)			Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Khí cụ điện – điện tử Nguyễn Văn Bảy (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Kỹ thuật điện Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)				Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng ()						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ ()	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiều ()	Khí cụ điện – điện tử Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành ()	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên ()	
		7																	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.306)		
		8							Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)		Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)						
		9							Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.403)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.403)						Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)		
		10								Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)			Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)		
Thứ 3 25-04	Sáng	1							Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (H3.109_THĐT)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Khí cụ điện – điện tử Nguyễn Văn Bảy (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Kỹ thuật điện Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)				Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.205)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh ()	Vẽ điện Cao Thị Thu ()	Vẽ điện Lỗ Văn Ba ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Văn Tình ()	Đo lường điện Chu Quốc Thái ()	Đo lường điện Đặng Việt Hùng ()	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)				Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	
		7									Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)						
		8							Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)			Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)					Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		
		9							Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.302)				Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)		
		10																			
Thứ 4 26-04	Sáng	1							Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (H3.109_THĐT)	Vẽ kỹ thuật Triệu Đình Sơn (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Khí cụ điện – điện tử Nguyễn Văn Bảy (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Kỹ thuật điện Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)				Vẽ kĩ thuật Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh ()	Vẽ điện Cao Thị Thu ()	Vẽ điện Lỗ Văn Ba ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Văn Tình ()	Đo lường điện Chu Quốc Thái ()	Đo lường điện Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	Ktra: An toàn lao động-1-2-2022(N02) Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.101)	Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ ()			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiều ()	Khí cụ điện – điện tử Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành ()	Vẽ kĩ thuật Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 27-04	Sáng	1							Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (H3.109_THĐT)	Vẽ kỹ thuật Triệu Đình Sơn (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Khí cụ điện – điện tử Nguyễn Văn Bảy (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Kỹ thuật điện Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)				Vẽ kĩ thuật Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh ()	Vẽ điện Cao Thị Thu ()	Vẽ điện Lỗ Văn Ba ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Văn Tình ()	Đo lường điện Chu Quốc Thái ()	Đo lường điện Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)		Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)						
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 28-04	Sáng	1							Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)		Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		
		2							Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)		
		3							Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.403)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)		Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.403)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		
		4							Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)		Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)		
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 29-04	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 14: Từ 24-04 Đến 30-04-2023

LỚP			62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 24-04	Sáng	1							Kinh tế vi mô Nguyễn Hồng Hạnh (H3.205)					An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2022(N07) Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-22(N01) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)		Hệ quản trị CSDL Access Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H5.101)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng ()	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên ()	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên ()	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh ()
		7											Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)		Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.306)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)		Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	
		8	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()		Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	
		9	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)					Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)					Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)					Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	
		10						Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc ()	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc ()				Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thùy (H5.201)		Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thùy (H5.201)		
Thứ 3 25-04	Sáng	1		Soạn thảo văn bản Trần Văn Hội (H3.104)				Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H5.101)						An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2022(N07) Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-22(N01) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)		Hệ quản trị CSDL Access Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H5.102)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên ()			Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên ()	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng ()	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên ()	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thùy (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thùy (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh ()
		7			Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)					Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)					Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)		Sinh học 2 Lê Thị Thảo ()	Sinh học 2 Lê Thị Thảo ()			Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		8	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)				Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)				Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.201)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.201)		
		9	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.204)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)	
		10																				
Thứ 4 26-04	Sáng	1	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.205)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.105)				Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.106)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)				Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.104)	Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2022(N07) Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-22(N01) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6		Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.106)				Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H5.104)		Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa ()	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương ()	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)			Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.105)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)			Mạng máy tính Vũ Bá Tòng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh ()
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 27-04	Sáng	1	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.205)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.105)					Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)					An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)		Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.104)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.106)	Hệ quản trị CSDL Access Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		
		2																				
		3													Ktra: Lập trình căn bản-1-2-2022(N03) Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)							
		4																				
		5																				
	Chiều	6		Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.106)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.206_Khoa SP-KT)					Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa ()	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương ()	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)		Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.105)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)			Mạng máy tính Vũ Bá Tông (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh ()
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 28-04	Sáng	1	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo ()	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.201)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo ()	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.201)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	
		2			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)		Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Vật lí 2 Chu Thị Tính ()	Vật lí 2 Chu Thị Tính ()	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)		Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	
		3	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý ()		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.303)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý ()		
		4	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 29-04	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				